

## **NỢ ĐONG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**Đoàn Thị Hân**

*Trường Đại học Lâm nghiệp*

### **TÓM TẮT**

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam nói chung và vùng trung du và miền núi phía Bắc nói riêng thì nguồn lực tài chính để thực hiện chương trình là vấn đề đã và đang được quan tâm vì nó có vai trò quan trọng và có tính quyết định đến kết quả thực hiện các tiêu chí của Chương trình. Tuy nhiên, hiện nay ở hầu hết các địa phương đều xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Trong vùng, những xã có tiêu chí về cơ sở hạ tầng nông thôn đạt càng nhiều thì nợ đọng càng cao. Trong quá trình thực hiện, ngoài những nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng của nền kinh tế, bất ổn của thị trường... thì có nhiều nguyên nhân chủ quan dẫn đến tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản diễn ra ở hầu hết cả địa phương như: chưa chấp hành nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, do nóng vội để về đích nên phê duyệt quá nhiều dự án nhưng không tập trung được vốn kịp thời, chưa thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn đầu tư ở các địa phương, đặc biệt là cấp xã. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản vùng trung du và miền núi phía Bắc.

**Từ khóa:** Nguồn lực tài chính, nợ đọng nông thôn mới, nợ đọng xây dựng cơ bản, trung du và miền núi phía Bắc, xử lý nợ đọng.

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong giai đoạn từ 2011 - 2015, là giai đoạn đầu tiên triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) 2010 – 2020, ở giai đoạn này các địa phương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, làm thay đổi cơ bản bộ mặt của các vùng nông thôn theo chiều hướng tiến bộ. Nhưng, trong quá trình thực hiện do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các địa phương đã xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản, gây trở ngại lớn cho quá trình tập trung vốn xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo. Trong thời gian qua, các cấp các ngành đã có nhiều nỗ lực trong việc tăng cường quản lý, từng bước khắc phục tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn hạn chế, việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản chậm chuyển biến. Vấn đề này không ngoại lệ đối với vùng trung du và miền núi phía Bắc (TDMN phía Bắc). Đây là vùng có tỷ lệ nợ đọng xây dựng cơ bản cao thứ

3 cả nước.

### **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **2.1. Nội dung nghiên cứu**

- Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc.

- Thực trạng huy động sử dụng và nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc.

- Các nguyên nhân cơ bản dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc.

- Một số giải pháp nhằm xử lý tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc.

#### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài tác giả thực hiện một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu: Tác

giả sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập qua các báo cáo của các địa phương có liên quan đến vấn đề nợ đọng khi thực hiện chương trình XDNTM.

- Phương pháp xử lý, phân tích số liệu: Khi xử lý phân tích các tài liệu, số liệu tác giả sử dụng phương pháp phân tích thống kê.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Kết quả thực hiện các tiêu chí XDNTM

#### của vùng TDMN phía Bắc

Sau 5 năm triển khai thực hiện đại trà chương trình xây dựng nông thôn mới, toàn vùng đã đạt được những thành tựu lớn trên nhiều mặt.

Kết quả phân loại nhóm xã theo số lượng tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của vùng TDMN phía Bắc tại thời điểm 31/12/2015 được tổng hợp qua bảng 1.

**Bảng 1. Phân loại xã theo kết quả số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011		Năm 2015		Tăng giảm		TĐPT BQ (%)
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tổng số xã trong vùng	xã	2.248		2280		32		101,42
2	Số TC đạt BQ một xã	TC	3,84		9,3		5,46		242,19
3	Phân nhóm xã theo số TC đạt chuẩn NTM								
a	Nhóm 1 (đạt 19 TC)	xã	0	0	185	8,1	185	8,1	-
b	Nhóm 2 (15 - 18 TC)	xã	0	0	187	8,2	187	8,2	-
c	Nhóm 3 (10 - 14 TC)	xã	126	5,6	634	27,8	508	22,2	503,17
d	Nhóm 4 (5 - 9 TC)	xã	659	29,3	1016	44,6	357	15,3	154,17
e	Nhóm 5 (dưới 5 TC)	xã	1463	65,1	258	11,3	-1205	-53,8	17,63

*Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo XDNTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc*

Qua bảng 1 có thể thấy, xét về số lượng tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn, kết quả thực hiện chương trình XD NTM của vùng TDMN phía Bắc là rất rõ ràng.

Bình quân toàn vùng, số tiêu chí đạt chuẩn NTM đạt mức 9,3 tiêu chí/xã, tăng 5,46 tiêu chí trong vòng 5 năm.

Năm 2011, toàn vùng không có xã nào đạt từ 15 tiêu chí trở lên thì đến năm 2015 đã có 185 xã đạt đủ 19 TC và được công nhận xã đạt chuẩn NTM (chiếm 8,1% tổng số xã toàn vùng), có 187 xã đã đạt chuẩn từ 15 đến 18 TC (chiếm 8,2%).

Số xã có dưới 5 tiêu chí đạt chuẩn giảm từ 1.463 xã năm 2011 (chiếm 65,1%) xuống còn 258 xã vào năm 2015 (chiếm 11,3% số xã).

Sau 5 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tình hình kinh tế xã hội của toàn vùng đã có những chuyển biến tích cực, kinh tế toàn vùng đạt mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, thu nhập của người dân nâng cao rõ rệt, tăng từ 904,6 nghìn đồng/người/tháng lên 1.613 nghìn đồng/người/tháng, tỷ lệ hộ nghèo 26,2% xuống còn 16%.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đến năm 2015,

trong quá trình thực hiện XDNTM vùng TDMN phía Bắc vẫn còn những tồn tại. Mức độ thực hiện các tiêu chí XDNTM của các xã trong vùng có tăng, nhưng còn chậm hơn nhiều so với mức chung của cả nước, đặc biệt là nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội và tiêu chí về môi trường.

Qua đó cho thấy, việc thực hiện XDNTM ở các địa phương là cần thiết và đã mang lại những thay đổi lớn trong đời sống vật chất và tinh thần cho người dân vùng TDMN phía Bắc.

### **3.2. Kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình**

Chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc cần nguồn lực rất lớn, đặc biệt đối với các nội dung về phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế.

Trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước về kinh tế, ngân sách Nhà nước hết sức khó

khăn, cho nên bên cạnh nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước các cấp, việc huy động sự đóng góp của các đối tượng ngoài nhà nước cho chương trình XD NTM dưới nhiều hình thức như tiền, đất đai, tài sản, lao động... là hết sức quan trọng.

Để thực hiện Chương trình XD NTM, các tỉnh trong vùng đều xác định cần phải huy động nguồn vốn từ nhiều kênh khác nhau như: Nhà nước, nhân dân đóng góp, các doanh nghiệp hỗ trợ, các tổ chức tín dụng... Tuy nhiên, xuất phát điểm của mỗi địa phương là hết sức khác nhau do vậy cần phải có phương án tính toán thận trọng và hợp lý mới huy động được nguồn vốn theo kế hoạch.

Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011 - 2015 được tổng hợp trên bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc đến 31/12/2015**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
<b>I</b>	<b>Vốn huy động từ NSNN</b>	<b>59.749</b>	<b>39,51</b>
1	Vốn trực tiếp cho chương trình NTM	4.694	3,10
<i>a</i>	<i>Vốn TPCP</i>	3.087	2,04
<i>b</i>	<i>Vốn Đầu tư phát triển</i>	665	0,44
<i>c</i>	<i>Vốn sự nghiệp</i>	942	0,62
2	Vốn lồng ghép các chương trình, dự án	47.796	31,60
3	Vốn từ ngân sách địa phương	7.259	4,80
<b>II</b>	<b>Vốn huy động ngoài NSNN</b>	<b>91.481</b>	<b>60,49</b>
1	Huy động từ các DN	16.695	11,04
2	Huy động từ các TC tín dụng	62.720	41,47
3	Huy động từ người dân	8.708	5,76
4	Nguồn huy động khác	3.358	2,22
<b>Tổng cộng</b>		<b>151.230</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn: Báo cáo của BCD XDNTM các tỉnh TDMN phía Bắc*

Trong giai đoạn thực hiện XDNTM vùng TDMN phía Bắc từ 2011 - 2015, các tỉnh trong vùng đã huy động được 151.230 tỷ đồng, trong đó nguồn huy động từ NSNN là 59.749 tỷ đồng, chiếm 39,51% tổng nguồn vốn huy động được; từ nguồn ngoài NSNN là 91.481 tỷ đồng, chiếm 60,49% tổng nguồn vốn huy động được.

Đối với nguồn từ NSNN: Nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án là nguồn vốn chủ yếu chiếm tỷ trọng cao nhất (31,6%); nguồn huy động từ nội lực ngân sách các địa phương còn thấp là 7.259 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,8%, chủ yếu từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, xã còn hạn chế; vốn trực tiếp cấp cho chương trình từ NSTW là 4.694 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 3,1%, trong đó chủ yếu là từ nguồn TPCP cấp cho Chương trình là 3.087 tỷ đồng, nguồn này sử dụng để xây dựng hạ tầng cơ sở các địa phương, ưu tiên phân bổ cho các xã khó khăn, các xã đặc biệt, các xã vùng sâu vùng xa... vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng 0,44% và 0,61% tổng vốn huy động được để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong vùng. Nhìn chung, mức hỗ trợ từ NSNN đến thời điểm này chưa cao nhưng cơ cấu các nguồn vốn cơ bản đáp ứng kế hoạch chung cả nước (40%) và nguồn từ NSNN có vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện các nội dung của Chương trình vùng TDMN phía Bắc.

Đối với nguồn ngoài NSNN: là nguồn vốn chủ yếu và quan trọng huy động được từ nội lực các địa phương và quan trọng để thực hiện chương trình. Trong đó, nguồn vốn từ tín dụng chiếm tỷ trọng 41,47% tổng nguồn vốn huy động của cả vùng, cao hơn mức theo kế hoạch chung cả nước (30%); nguồn huy động từ phía

các doanh nghiệp còn hạn chế, chỉ ở mức 11,04% tổng nguồn vốn (kế hoạch chung cả nước là 20%); nguồn huy động từ người dân thông qua các hình thức đóng góp bằng tiền, hiện vật, góp công, hiến đất là 8.708 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,76%, đây là kết quả tương đối cao đối với vùng TDMN phía Bắc trong điều kiện còn khó khăn về mọi mặt như hiện nay; từ các nguồn khác như các khoản hỗ trợ từ con em xa quê, viện trợ... là 3.358 tỷ đồng.

Tổng nguồn lực huy động ngoài ngân sách ở các địa phương đã đạt kết quả theo kế hoạch, nhưng còn thấp so với nhu cầu hiện tại của vùng. Các tỉnh đã phân nào chủ động được nguồn kinh phí để thực hiện chương trình, thực hiện theo đúng mục tiêu phát huy nội lực là chính (60,49% từ nguồn ngoài NSNN và 4,8% từ NSDP). Tuy nhiên, hiện nay nguồn ngoài NSNN này chủ yếu là từ vốn tín dụng, chưa huy động được nhiều từ các nguồn vốn khác trên địa bàn.

### **3.3. Thực trạng nợ đọng XDNCB trong quá trình thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc**

Trong quá trình thực hiện chương trình XDNTM, các tỉnh vùng TDMN phía Bắc đã tập trung các nguồn lực để thực hiện các nội dung của chương trình, nhưng chủ yếu tập trung nguồn lực để thực hiện các công trình xây dựng cơ bản. Theo báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Bộ NN&PTNT, đến hết 31/01/2016 cả nước có 53/63 tỉnh, thành phố có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với tổng số nợ đọng khoảng 15.277 tỷ đồng. Vùng TDMN phía Bắc

## *Kinh tế & Chính sách*

có 706 xã thuộc 12 tỉnh trong vùng có nợ đọng là 1.654 tỷ đồng, chiếm 10,8% số nợ đọng cả nước. Cả nước có 10 tỉnh không có nợ đọng, thì vùng TDMN phía có 2 tỉnh là Lào Cai, Lai Châu. Trong vùng, tỉnh có số nợ đọng cao nhất là Thái Nguyên với số nợ là 628,829 tỷ đồng

chiếm 4,1% nợ đọng cả nước và chiếm 38,02% nợ đọng vùng TDMN phía Bắc. Trong vùng, đa số tỉnh có số xã đạt chuẩn nông thôn mới càng cao thì số nợ đọng XDCCB càng cao (Bắc Giang: 34 xã đạt chuẩn, Thái Nguyên 29 xã đạt chuẩn).

**Bảng 3. Tình hình nợ đọng XDCCB vùng TDMN phía Bắc đến 31/01/2016**

TT	Tỉnh	Số xã có nợ đọng (xã)	Tổng số nợ đọng		Mức nợ bình quân 01 xã (Triệu đồng/xã)
			Tổng số (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	
1	Cao Bằng	15	76.752	4,64	5.117
2	Thái Nguyên	130	628.829	38,02	4.837
3	Bắc Kạn	2	9.226	0,56	4.613
4	Lạng Sơn	39	162.239	9,81	4.160
5	Bắc Giang	50	189.809	11,48	3.796
6	Hòa Bình	28	88.845	5,37	3.173
7	Hà Giang	106	177.201	10,71	1.672
8	Điện Biên	45	46.316	2,80	1.029
9	Phú Thọ	200	199.905	12,09	1.000
10	Sơn La	73	70.970	4,29	972
11	Yên Bái	2	1.155	0,07	578
12	Tuyên Quang	16	2.753	0,17	172
<b>Tổng số</b>		<b>706</b>	<b>1.654.000</b>	<b>100</b>	<b>2342,8</b>

*Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

Qua bảng 3 cho thấy, tỉnh có số xã nợ đọng cao nhất là Phú Thọ 200 xã có nợ đọng, Thái Nguyên là 130 xã, Lai Châu và Lào Cai không có nợ đọng. Tuy nhiên, mức nợ đọng bình quân cả vùng là 2.342,8 triệu đồng/xã có nợ đọng nhưng mức nợ đọng bình quân 1 xã ở Cao Bằng là cao nhất vùng 5.117 triệu đồng/xã, Thái Nguyên là 4.837 triệu đồng/xã, thấp nhất là Tuyên Quang có 16 xã có nợ đọng với mức bình quân 172 triệu đồng/xã. Trong giai đoạn 2011 – 2015, Thái Nguyên là tỉnh có

số tiêu chí đạt tăng thêm cao nhất vùng là 8,7 tiêu chí, nhưng tổng số nợ đọng cao nhất vùng (chiếm 38,02%) toàn bộ nợ cả vùng.

Về cơ cấu nợ đọng theo các hạng mục đầu tư, nợ đọng tập trung chủ yếu trong các dự án về giao thông (40,07%); thủy lợi (5,4%); trường học (10,27%); cơ sở vật chất văn hóa (11,11%); các công trình dự án khác (33,16%). Tuy nhiên, Ở Hà giang và Bắc Giang chưa phân tích rõ cơ cấu vốn chi tiết nên tổng hợp và công trình khác.

**Bảng 4. Tổng số nợ đọng XDCB theo cơ cấu vùng TDMN phía Bắc**

STT	Tỉnh	Tổng số nợ đọng lũy kế đến 31/01/2016					
		Tổng	Giao thông	Thủy lợi	Trường học	CSVC Văn hóa	Khác
1	Thái Nguyên	628.829	349.175	56.921	60.373	86.872	75.488
2	Phú Thọ	199.905	127.093	17.025	27.147	13.753	14.887
3	Bắc Giang	189.808					189.809
4	Hà Giang	177.201					177.201
5	Lạng Sơn	162.239	70.902	1.675	59.151	12.530	17.981
6	Hòa Bình	88.845	9.187	700	9.288	50.878	18.793
7	Cao Bằng	76.752	52.567	1.364	3.165	9.100	10.555
8	Sơn La	70.970	34.299	7.411	5.507	6.618	17.135
9	Điện Biên	46.316	18.215	3.151		1.290	23.660
10	Bắc Kạn	9.226	375		4.400	2.620	1.831
11	Tuyên Quang	2.753	907	433	891	18	504
12	Yên Bái	1.155		594			561
<b>Tổng</b>		<b>1.654.000</b>	<b>662.719</b>	<b>89.274</b>	<b>169.922</b>	<b>183.679</b>	<b>548.406</b>
<b>Tỷ lệ</b>		<b>100</b>	<b>40,07</b>	<b>5,40</b>	<b>10,27</b>	<b>11,11</b>	<b>33,16</b>

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhìn vào bảng 4 ta thấy, hầu hết các tỉnh số nợ đọng đều tập trung chủ yếu ở các công trình giao thông, riêng ở Hòa Bình lại tập trung nợ đọng chủ yếu ở các cơ sở vật chất văn hóa. Nhìn chung, ở các xã tập trung xây dựng tiêu chí nào thì vốn nợ đọng chủ yếu phát sinh theo cơ cấu đó. Do đặc thù Chương trình xây dựng nông thôn mới, các công trình, dự án chủ yếu

do cấp huyện, xã phê duyệt nên số nợ cũng chủ yếu thuộc trách nhiệm ngân sách cấp huyện, xã.

Ngoài ra, nợ đọng XDCB cũng tập trung chủ yếu ở những xã về đích XDNTM. Nợ đọng tại các xã được công nhận đạt chuẩn được thể hiện trên bảng 5.

**Bảng 5. Nợ đọng tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tỉnh/thành phố	Tổng số nợ đọng	Nợ đọng tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn	
			Tổng số nợ đọng	Tỷ trọng so với tổng nợ (%)
1	Hà Giang	177.201	141.495	79,9
2	Bắc Giang	189.809	150.208	79,1
3	Hòa Bình	88.845	69.612	78,4
4	Lạng Sơn	162.239	118.520	73,1
5	Cao Bằng	76.752	50.963	66,4
6	Yên Bái	1.155	594	51,4
7	Tuyên Quang	2.753	1.049	38,1
8	Thái Nguyên	628.829	191.332	30,4
9	Phú Thọ	199.905	48.323	24,2
10	Điện Biên	46.316	1.898	4,1
11	Sơn La	70.970		
12	Bắc Kạn	9.226		
<b>Tổng</b>		<b>1.654.000</b>	<b>773.994</b>	<b>46,80</b>

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhìn vào bảng 5 ta thấy, tổng số nợ đọng tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn đến 31/01/2016 là 773.994 triệu đồng chiếm 46,8% số nợ đọng cả vùng. Ở Hà Giang, Bắc Giang, Hòa Bình, Lạng Sơn có trên 70% số nợ đọng tập trung ở các xã về đích nông thôn mới, ở Sơn La, Bắc Cạn thì ở những xã chưa về đích.

Với số liệu tổng hợp về tình hình nợ đọng XDCB như bảng 4 cho thấy tình hình nợ đọng hiện nay ở vùng TDMN phía Bắc và cả nước là tương đối lớn, ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nội dung của chương trình XDNTM trong giai đoạn tiếp theo vì ở giai đoạn trước do nhiều nguyên nhân nên quá trình thực hiện bị thiếu vốn, giai đoạn này vừa phải huy động vốn để thực tiếp các nhiệm vụ vừa phải cân đối vốn để giải quyết nợ đọng. Vậy, muốn giải quyết vấn đề này, cần tìm ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ đọng XDCB trong thời gian trước để tìm ra giải pháp khắc phục hữu hiệu nhất.

### **3.4. Nguyên nhân của tình trạng nợ đọng XDCB ở vùng TDMN phía Bắc**

Trong thời gian qua, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện chương trình còn hạn chế, nguồn vốn từ ngân sách địa phương thiếu hụt (chủ yếu từ ngân sách tỉnh, nguồn từ ngân sách huyện và xã còn thấp). Nguồn ngân sách cấp xã chủ động cân đối để thực hiện Chương trình chủ yếu là nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nguồn thu từ đấu giá đất sụt giảm, không đạt như kế hoạch nên các địa phương không cân đối được nguồn vốn để trả nợ.

Trong Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, sẽ hỗ trợ 100% từ ngân sách Trung ương cho một số hạng mục, nhưng

do không cân đối được ngân sách nên Chính phủ ban hành quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và chỉ hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung. Nhưng, các địa phương đã vận dụng huy động các nguồn vốn tạm thời từ các đơn vị thi công để triển khai xây dựng các hạng mục công trình trước, chờ ngân sách Trung ương cấp sẽ trả nợ sau nên xảy ra nợ đọng.

Mặc dù, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về vấn đề quản lý vốn đầu tư và xử lý nợ XDCB như: Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách Nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương; Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công... Nhưng, nhiều địa phương chưa chấp hành nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương trong việc kiểm soát vốn đầu tư công và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

Do các địa phương chưa lường được sức mình, huy động các nguồn lực còn hạn chế trong khi tập trung nhiều vào các tiêu chí xây dựng cơ bản là những tiêu chí cần nhiều vốn thực hiện mà chưa quan tâm thật sự đến các tiêu chí khác nhất là các tiêu chí về thực hiện các biện pháp nâng cao thu nhập cho người

dân, phát triển sản xuất... Hơn nữa, trong quá trình thực hiện, một số xã thay đổi hạng mục đầu tư, quy mô công trình, do vậy phải điều chỉnh kế hoạch giao nhiệm vụ vốn; một số công trình khi hoàn thành khối lượng, xảy ra tình trạng thiếu nguồn vốn so với thiết kế, dự toán ban đầu...

Công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán chậm gây trở ngại cho việc giải ngân vốn và một số khoản nợ được các địa phương thông kê tuy nhiên thực tế vẫn đang trong thời hạn thanh toán.

Chương trình được thực hiện với chủ trương tăng cường phân cấp cho cấp xã chủ động triển khai thực hiện nhưng nhiều địa phương chưa thực hiện tốt việc huy động nguồn lực, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại cấp xã do trình độ của cán bộ còn nhiều hạn chế.

### **3.5. Giải pháp khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB khi thực hiện Chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc**

Thứ nhất, các địa phương có nợ đọng cần phải tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch, lộ trình trả nợ cụ thể, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng các công trình, quản lý nguồn ngân sách Nhà nước và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

Thứ hai, các địa phương cần lập kế hoạch chi tiết, cụ thể kế hoạch sử dụng vốn trong những năm tiếp theo dựa trên khả năng nguồn lực hiện có của địa phương, không để phát sinh nợ mới. Nếu địa phương còn nợ đọng xây dựng cơ bản thì không cho phép triển khai công trình xây dựng mới, chỉ phê duyệt dự án khi đã có vốn. Đưa vấn đề không nợ đọng XDCB vào thành tiêu chí xét đạt chuẩn nông thôn mới ở các địa phương.

Thứ ba, chú ý thực hiện trước các công trình thiết yếu với người dân trước nhưng không quá

tập trung vào các tiêu chí xây dựng cơ bản, chỉ thực hiện khi cân đối được nguồn lực. Tiêu chí nào cần ít vốn, dễ thực hiện thì làm trước, khó làm sau.

Thứ tư, thực hiện tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, hiến đất, góp công, góp tiền xây dựng giao thông, nhà văn hóa thôn, xóm; xây dựng các tuyến giao thông thôn, xóm... vì đây là những nội dung chủ yếu làm phát sinh nợ đọng XDCB trong thời gian qua.

Thứ năm, kết hợp hiệu quả các nguồn vốn huy động được từ trong và ngoài ngân sách nhà nước. Khuyến khích thành lập các quỹ XDNTM ở từng địa phương, quỹ sẽ được bổ sung từ hỗ trợ của NSNN và đóng góp hàng năm của địa phương và giao cho địa phương quản lý quỹ đó và có kế hoạch sử dụng quỹ để thực hiện các nội dung của Chương trình. Những công trình đơn giản mà người dân có thể thực hiện được thì vận động người dân tham gia để giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

### **IV. KẾT LUẬN**

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc, các địa phương đã huy động được phần lớn sự tham gia của các đối tượng như người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các địa phương còn xảy ra tình trạng nợ đọng XDCB nghiêm trọng, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực huy động được. Ở các tỉnh có số tiêu chí đạt chuẩn càng lớn, đặc biệt là các tiêu chí về kết cấu hạ tầng thì số nợ đọng XDCB càng cao. Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu thực tế tác giả rút ra được các nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ đọng XDCB ở các địa phương từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2016). *Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội.

2. Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới (2016), *Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 5 năm (2011-2015) phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*.

**ARREARS IN THE NEW RURAL CONSTRUCTION  
IN THE NORTHERN MIDLAND AND MOUNTAINOUS REGION -  
REALITY AND SOLUTIONS**

**Doan Thi Han**

*Vietnam National University of Forestry*

**SUMMARY**

In the process of new rural construction in Vietnam in general and the Northern midlands and mountainous region in particular, the financial resources to implement the program is a matter that has been paid attention since it plays an important role, decisive to implementation results of the program criteria. However, in most of the localities there is a situation of construction debt. In the region, the more achieving the infrastructure criteria communes are much more, the debt is higher. During the implementation process, apart from objective reasons due to the influence of the economy, volatility of the market... there are many subjective causes leading to the state of construction debt occurs in most localities such as not strictly follow the guiding documents of the Central Government, so hurry to the finish the program, approve too many projects but not to concentrate capital in time, not doing well of inspection and monitoring about using capital in localities, especially at the commune level. Since then, the authors have proposed a number of solutions to redress basic construction arrears in the Northern midland and mountainous region.

**Keywords:** Basic construction arrears, debt handling, financial resources, new rural arrears, Northern midland and mountainous region.

**Ngày nhận bài** : 18/01/2017

**Ngày phản biện** : 08/5/2017

**Ngày quyết định đăng** : 12/7/2017